

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RP2+RC3	7:25	18+2+0	0+0+0		14+2+6	0+0+0	chuyen 2 rp2-rc3
2		TD2+P4+P3	7:25	10+12+0	0+0+0		4+10+8	0+0+0	
3		TD5+TD2+AMD	7:25	12+10+0	0+0		2+19+1	0+0	
4		PPD+CTK3	9:25	11+11	0+0		9+13	0+0	
5		P8+TD5	9:25	11+11	0+0		5+17	0+0	
6		BK9+BK14+P11	9:25	0+2+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 bk9-bk14
7		RCDM+RP3+RP2	11:25	2+19+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
8		TD2	11:25	22	0+0		22	0+0	
9		RP1+PPD	13:25	8+14	0+0		5+17	0+0	chuyen 1 rp1-ppd
10		CTC1+RP2+P4	13:25	7+0+4	0+0+0		0+10+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Rp2-2ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD3 - RP2 - RC3	CREW: LINH - M.ĐỨC - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4943	

No.	PAXNAME	OBJ.	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HOANG NAM	TD3	58	1	5	5	90	77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH BINH	TD3	57	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
3	LE SY HUNG	TD3	27	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VAN NGHIA	TD3	59	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TUAN	TD3	26	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
6	NGO DUY THANH	TD3	17-18	2	6			71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VIET HUNG	TD3	25	1	11			74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH NHAN	TD3	19-20	2	9			75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN ĐỨC	TD3	60	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
10	VU BINH THU	TD3	24	1	5	3	25	70	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN VINH	TD3	33	1	10	1	14	93	DVL	Vietnamese
12	LE PHU PHUC	TD3	31	1	8			83	DVL	Vietnamese
13	LE VAN THANG	TD3	29-30	2	14			76	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU	TD3	28	1	14			86	DVL	Vietnamese
15	TRAN VAN THANG	TD3	32	1	4			71	PSV	Vietnamese
16	PHAN THANH TY	TD3	56	1	6			52	HA VIET	Vietnamese
17	LE VAN BIEN	TD3	54	1	8			78	HA VIET	Vietnamese
18	TRAN CAO LONG	TD3	55	1	10			66	HA VIET	Vietnamese
19	ĐO XUAN CONG	RP2	98-99	2	14			52	CN SG	Vietnamese
20	HOANG QUOC VAN	RP2	96-97	2	10			50	CN SG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	18	1.312	21	138	9	129	14		
2	RP2	2	102	4	24	0	0	2	2	CHUYEN 2 PAX RP2-RC3
3	RC3	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	1.414	25	162	9	129	22		
WEIGHT KG			1.414		162		129			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2 - P4 - P3	CREW: DUONG - TTRUNG - THU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4947	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HUNG QUAN	TD2	05-06	2	15			71	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN HAI	TD2	88	1	4			86	KHOAN	Vietnamese
3	GONCHAROV SERGEY	TD2	95	1	11			100	KHOAN	Russian
4	HOANG VAN BAC	TD2						76	KHOAN	Vietnamese
5	LY ANH TUAN	TD2	55	1	6			88	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	54	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN HUNG HUNG	TD2	58	1	7			97	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MAI NAM	TD2	96-97	2	20			79	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUOC QUAN	TD2	03-04	2	7			66	KHOAN	Vietnamese
10	VU THANH TUAN	TD2	56-57	2	17			93	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN BACH DUONG	P4	93	1	5			72	KHI	Vietnamese
12	LE VAN HUONG	P4	94	1	5			60	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN MINH ĐỨC	P4	99	1	3			101	KHI	Vietnamese
14	HOANG TRỌNG TÂN	P4	100	1	8			71	KHI	Vietnamese
15	TRAN SON NAM	P4	98	1	4			84	KHI	Vietnamese
16	LUONG TUAN CHUNG	P4						77	KHI	Vietnamese
17	PHAM VAN QUYEN	P4	91-92	2	13			79	KHI	Vietnamese
18	HOANG VAN HUNG	P4						78	KHI	Vietnamese
19	VU NGOC TUAN	P4	95	1	5			81	KHI	Vietnamese
20	TA VAN QUYNH	P4						72	KHI	Vietnamese
21	ZHURBIN N.B	P4	97	1	4			91	KHI	Vietnamese
22	TRAN SON TIEN	P4	96	1	8			67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	10	813	13	93	0	0	4		
2	P4	12	933	10	55	0	0	10		
3	P3	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.746	23	148	0	0	22		
WEIGHT KG			1.746		148		0			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN QUANG THINH

CREW

BUI HOANG DUONG
NGUYEN THANH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - TD2 - AMD	CREW: LHM - VANH - DSON	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4951	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	12-13	2	12			88	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ THÈ ANH	TD5	05	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANH VŨ	TD5	04	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
4	LƯU THÈ ĐIỆN	TD5	06	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ HOANG BAO AN	TD5	08	1	12	2	40	69	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HAI	TD5	09	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	03	1	12			85	KHOAN	Vietnamese
8	TẠ HOÀI TRĂNG	TD5	02	1	14			73	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	10	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	11	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ THANH QUANG	TD5	07	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
12	PODKATILIN A.N	TD5	01	1	8			81	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN ANH ỨNG	TD2	16	1	11			64	KHOAN	Vietnamese
14	MAI VĂN HOÀNG	TD2	05	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
15	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	06	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	11-12	2	10			82	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	09	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KIÊN	TD2	14-15	2	7			79	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	13	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ SĨ MINH TÂN	TD2	10	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	TD2	17	1	11			93	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD2	07-08	2	10			75	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	12	913	13	94	2	40	2		
2	TD2	10	728	13	75	0	0	19		
3	AMD	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.641	26	169	2	40	22		
WEIGHT KG			1.641		169		40			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LƯU THANH HẢI
TRẦN VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PPD - CTK3	CREW: LINH - M.ĐỨC - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4944	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN SƠN	PPD	29	1	3			59	KHI	Vietnamese
2	BUI HUU LAN	PPD	33	1	5			79	KHI	Vietnamese
3	TU NGOC HAI*	PPD	30-31	2	8			79	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUAN	PPD	35	1	3			71	KHI	Vietnamese
5	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	36	1	7			59	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN BAN	PPD						84	KHI	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN THANH	PPD	34	1	7	2	25	84	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN TỰ	PPD	32	1	5			64	KHI	Vietnamese
9	BUI VĂN HUNG	PPD						77	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC THU*	PPD	38	1	5			64	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG THÁI	PPD	37	1	5			67	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG NGỌC CUONG	CTK3	86	1	17	1	13	77	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ NGỌC CUONG	CTK3	70-71	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
14	MAI THANH TU	CTK3	78-79	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VIET TOAN	CTK3	74-75	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN VIET	CTK3	80-81	2	17			79	XAYLAP	Vietnamese
17	TRINH VAN BAU	CTK3	72-73	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN ĐĂNG HUÂN	CTK3	76-77	2	20	2	40	77	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC QUANG	CTK3	84-85	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐINH VĂN THIÊN	CTK3	88-89	2	17			59	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN THANH QUANG	CTK3	82	1	17	1	16	75	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐINH MẠNH ĐỨC	CTK3						72	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	11	787	10	48	2	25	9		
2	CTK3	11	780	18	184	4	69	13		
TOTAL		22	1.567	28	232	6	94	22		
WEIGHT KG			1.567		232		94			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P8 - TD5	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4948	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG MINH THUAN	P8	77	1	8			68	NAM TIEN	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HIEU	P8	89,72	2	14			66	NAM TIEN	Vietnamese
3	HUYNH VAN NAM	P8	83	1	9			67	NAM TIEN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN KHANH	P8	82	1	12			73	NAM TIEN	Vietnamese
5	HUA HOA LONG	P8	84	1	6	2	18	55	NAM TIEN	Vietnamese
6	DOAN KHANH DUY	P8	79	1	8			70	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THAI	P8	80	1	6			67	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN DINH	P8	81	1	9			71	NAM TIEN	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN KIET	P8	75-76	2	20			72	NAM TIEN	Vietnamese
10	PHAM HOANG PHONG	P8	74	1	10	1	13	66	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN PHU	P8	78	1	4			56	PSV	Vietnamese
12	DAO QUANG MINH	TD5	25	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HAI LAM	TD5	22	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
14	DOAN VAN MUOI	TD5	19	1	13	4	52	60	KHOAN	Vietnamese
15	LE NGOC LUAN	TD5	17	1	10			67	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM THANH TUNG	TD5	21	1	15			91	KHOAN	Vietnamese
17	DAO DUY DIEP	TD5	18	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG QUOC VIET	TD5	26	1	10			84	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VAN HANH	TD5	20	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
20	BUI TRUNG HIEU	TD5	24	1	10			88	KHOAN	Vietnamese
21	VU HUU TAN	TD5	16	1	10			78	DVL	Vietnamese
22	BO THANH HAI	TD5	23	1	9			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	11	731	13	106	3	31	5		
2	TD5	11	838	11	113	4	52	17		
TOTAL		22	1.569	24	219	7	83	22		
WEIGHT KG			1.569		219		83			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK9 - BK14 - P11	CREW: LHA1 - VANH - DSON	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4952	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TRONG DAI	BK14	28	1	11	2	27	76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC SON	BK14	26-27	2	14	1	17	65	XAYLAP	Vietnamese
3	FIRSOV EVGENII	P11	10	1	8	3	50	109	KHOAN	Russian
4	NGUYEN VAN TRUONG	P11	17	1	5			88	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN BINH	P11	05	1	9	2	22	71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THAI DUONG	P11	14	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TINH	P11	08	1	9			69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUY LINH	P11	02	1	5			98	KHOAN	Vietnamese
9	DO VAN PHAN	P11	18	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN DUC DUC	P11	09	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
11	LE THANH NGOC	P11	04	1	11			48	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN VAN THANH	P11	01	1	2			70	KHOAN	Vietnamese
13	VU DUC THANH	P11	20	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	P11	19	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN THE DANG	P11	11-12	2	15			72	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DUC ON	P11	13	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM (CV)	P11	15-16	2	19			71	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM (CN)	P11	21-22	2	17			78	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUAN	P11	03	1	5			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	0	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN T PAX BK9-BK14
2	BK14	2	141	3	25	3	44	0		
3	P11	17	1.250	20	142	5	72	22		
TOTAL		19	1.391	23	167	8	116	22		
WEIGHT KG			1.391		167		116			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

LUU THANH HAI
TRAN VIET ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: RCDM - RP3 - RP2	CREW: VTHANG - XTRUONG - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: GD		VNHS FLIGHT: TM25/4945	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN DINH DIEP	RCDM	58	1	7	5	54	78	CODIEN	Vietnamese
2	DUONG HUU THUAN	RCDM	57	1	7	2	30	64	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG THANH HOA	RP3	50	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	RP3	44	1	7			78	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC ANH	RP3	33	1	3			70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TAN	RP3						64	KHI	Vietnamese
7	LANH TRUNG DONG	RP3	47	1	5			68	KHI	Vietnamese
8	HOANG DUC LAM ANH	RP3	37	1	3			78	KHI	Vietnamese
9	DUONG VAN VAO	RP3	38	1	7			79	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	53	1	5			70	KHI	Vietnamese
11	HOANG VAN CHIEN	RP3	34	1	4			71	KHI	Vietnamese
12	PHAM DUY DUNG	RP3						77	KHI	Vietnamese
13	PHAN ANH KHANG	RP3	35-36	2	20			65	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	45-46	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TINH	RP3	39-40	2	16			78	CODIEN	Vietnamese
16	TRINH NGOC TU	RP3	55	1	9			74	CODIEN	Vietnamese
17	DANG TRONG DUNG	RP3	51-52	2	15			65	CODIEN	Vietnamese
18	DANG VAN GIANG	RP3	54	1	8			74	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN TRI PHUOC	RP3	48-49	2	19			70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN DUC TOAN	RP3	43	1	8			61	T-TIN	Vietnamese
21	PHAM HUY DINH	RP3	41-42	2	17			63	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	2	142	2	14	7	84	0		
2	RP3	19	1.335	23	162	0	0	17		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.477	25	176	7	84	22		
WEIGHT KG			1.477		176		84			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGO VĂN THẮNG
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD2	CREW: HUNG - NPHU - HIEU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4949	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU ANH HIEU	TD2	52	1	16			63	SCHLUMBE	Vietnamese
2	NGUYEN VAN BAO	TD2	49	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH QUOC KHANH	TD2	30-31	2	13			80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHONG	TD2	53	1	4	2	20	62	KHOAN	Vietnamese
5	QUACH VAN CU	TD2	47	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
6	LE HUU HAU	TD2						66	KHOAN	Vietnamese
7	LE HUNG CUONG	TD2	41	1	5			96	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUANG HUNG	TD2	42	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC QUANG	TD2	46	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN DAI	TD2	29	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH THANG	TD2	39-40	2	13			58	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN CHANH	TD2	48	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG HONG HAI	TD2	51	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
14	TA TRUNG DUNG	TD2	56	1	12	2	35	92	KH-THAC	Vietnamese
15	KOMARITSKIKH K.	TD2	50	1	9			99	KH-THAC	Russian
16	TRAN THIEN SON	TD2	32-33	2	15			62	QUYET THA	Vietnamese
17	TRAN VAN HONG	TD2	34	1	9			71	QUYET THA	Vietnamese
18	BUI VAN THUY	TD2	43	1	15	1	10	55	QUYET THA	Vietnamese
19	TRAN VAN QUY	TD2	37	1	10	1	17	56	QUYET THA	Vietnamese
20	HOANG XUAN LUONG	TD2	35-36	2	18			70	QUYET THA	Vietnamese
21	DOAN XUAN CUONG	TD2	45	1	14			68	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN BA DUC	TD2	59	1	10	1	13	94	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	22	1.588	25	230	7	95	22		
TOTAL		22	1.588	25	230	7	95	22		
WEIGHT KG			1.588		230		95			

GRAND TOAL: 1.913 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: RPI - PPD	CREW: VTHANG - XTRUONG - NNAM	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4946	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE NGUYEN KINH CHAU	RPI	63	1	6			70	VIET PHAT	Vietnamese
2	DOAN HIEP THO	RPI	02	1	3			69	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYEN SON LONG	RPI	96	1	13			61	DUY LINH	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC HOI	RPI	97	1	12	2	35	60	DUY LINH	Vietnamese
5	LE MANH DUNG*	RPI	600	1	6			63	DUY LINH	Vietnamese
6	PHAN NANG KHOA	RPI	98-99	2	17			58	DUY LINH	Vietnamese
7	VU VAN HAI	RPI	95	1	9			73	DUY LINH	Vietnamese
8	VU MINH KHANG*	RPI	01	1	8			61	DUY LINH	Vietnamese
9	PHUNG VAN CHINH	PPD	45	1	5			81	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	46	1	6			52	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	PPD	47	1	3			78	KHI	Vietnamese
12	DOAN DUY HUNG	PPD	41	1	6			86	KHI	Vietnamese
13	TRAN DUC DUY	PPD	42	1	10			69	KHI	Vietnamese
14	HOANG HUY TIEN	PPD	48-49	2	8			53	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DINH CUONG	PPD	50	1	6			73	KHI	Vietnamese
16	MR. TIM BRANDON	PPD	54-55	2	19			96	KHI	Malaysian
17	LUU TRUONG GIANG	PPD	43	1	7			69	QMS	Vietnamese
18	PHAM MINH QUANG	PPD	44	1	9	2	40	76	QMS	Vietnamese
19	HOANG MINH TRI	PPD	51	1	6	1	21	89	BIEN DONG	Vietnamese
20	NGUYEN SONG TOAN	PPD	52-53	2	7	1	25	59	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RPI	8	515	9	74	2	35	5	1	CHUYEN I RPI-PPD
2	PPD	12	881	15	92	4	86	17		
TOTAL		20	1.396	24	166	6	121	22		
WEIGHT KG			1.396		166		121			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

NGO VAN THANG
HA XUAN TRUONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
B.CARD: VANG- <i>L</i>	TO: CTC1 - RP2 - P4	CREW: HUNG - NPHU - HIEU	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM25/4950		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUONG XUAN THANH	CTC1	02	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THE QUANG *	CTC1	06	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	CTC1	03	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NHAT KIM LONG *	CTC1	09-10	2	11	2	37	58	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM LE TUAN ANH *	CTC1	07-08	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NAM THANG*	CTC1	11	1	16	5	47	102	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC DAO	CTC1	04-05	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN NGOC *	RP2	27	1	16			62	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VAN DUNG	RP2	19-20	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
10	LAM HUU TUNG *	RP2	24-26	3	18			63	XAYLAP	Vietnamese
11	LE HOANG SON	RP2	21	1	14			77	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI MANH HAI	RP2	28-29	2	14			50	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN ANH TIEN	RP2	22-23	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN BA DIEN *	RP2	30-31	2	20			81	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN CHIEN CONG	P4	85	1	3			66	KHI	Vietnamese
16	DOAN VAN TRUC	P4	84	1	6			67	KHI	Vietnamese
17	TRAN THUONG	P4	86-87	2	14			60	NAMTIEN	Vietnamese
18	DO KHO LAI	P4	88-89	2	16	2	30	82	NAMTIEN	Vietnamese
19	TRAN XUAN TRUNG	P4	83	1	2			75	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HONG DUONG	P4	90	1	6			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	7	522	10	84	7	84	0		
2	RP2	7	461	13	118	0	0	10		
3	P4	6	406	8	47	2	30	12		
TOTAL		20	1.389	31	249	9	114	22		
WEIGHT KG			1.389		249		114			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



Xin để hàng trên ghế trống,

Trang 1/1

Pass mang sắc dư phang

11/12/2025

12:54:24PM